

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 6 - 2022

*“V/v: Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thanh Huyền và ông Lê Ngọc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thư ký viên chính, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Diễm K, sinh năm 1988;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1977;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Diễm K vắng mặt, nhưng theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con ngày 31/12/2021, bản tự khai ngày 31/12/2021 và đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 27/01/2022, chị Lê Thị Diễm K trình bày: Chị và anh Phạm Văn T yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 16/4/2007. Sau kết hôn, chị và anh T về chung sống tại nhà bố mẹ anh T tại thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vợ, chồng chung sống hạnh phúc được khoảng ba năm thì đến năm 2010 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và trầm trọng nhất là năm 2016. Nguyên nhân do anh T thường xuyên chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị thậm tệ, nhiều lần cầm dao đe dọa giết chị khiến chị phải chuyển chỗ ở và nhờ bạn bè bảo vệ. Do bị anh T đe dọa về sức khỏe, tính mạng nên chị phải chuyển đến nơi khác sinh sống từ năm 2019 và vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Chị K xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết nên yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị K thừa nhận vợ, chồng có hai con chung là cháu Phạm Lê Gia H, sinh ngày 08/01/2008 (hiện đang sinh sống cùng anh T) và Phạm Lê Gia H, sinh ngày 12/02/2009 (hiện đang học tập tại Trung tâm huấn luyện và đào tạo vận động viên thể dục thể thao thành phố Đà Nẵng). Sau ly hôn, chị K có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện, khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị K trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Về quá trình yêu nhau, kết hôn anh nhất trí như sự trình bày của chị K. Riêng về quá trình chung sống, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn anh không nhất trí, vì theo anh cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 14 năm, đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong ứng xử hàng ngày vợ chồng trái ngược nhau về quan điểm sống, không ai chịu nghe ai, thiếu sự hòa hợp dẫn đến vợ chồng xích mích, cãi vã nhau. Anh và chị K sống ly thân nhau kể từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Anh T xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết nên chị K yêu cầu ly hôn thì anh chấp nhận.

Về con chung: Anh T thừa nhận, anh và chị K có hai con chung là cháu Phạm Lê Gia H, sinh ngày 08/01/2008 (hiện đang sinh sống cùng anh) và Phạm Lê Gia H, sinh ngày 12/02/2009 (hiện đang học tập tại Trung tâm huấn luyện và đào tạo vận động viên thể dục thể thao thành phố Đà Nẵng). Sau ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con vì anh có đủ điều kiện và khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn chị Lê Thị Diễm K khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Phạm Văn T là loại việc quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, anh T có nơi cư trú tại xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ngày 31/12/2021 chị K đã có bản tự khai và ngày 27/01/2022 chị K có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, trong đó nêu ý kiến của mình về việc yêu cầu ly hôn của anh T. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị K.

[3]. Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày và thừa nhận của chị K và anh T, thì chị K và anh T đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 16/4/2007, do đó hôn nhân giữa chị K và anh T là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã đến

mức trầm trọng; nguyên nhân do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống ... và vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nguyên đơn chị K vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án giữ nguyên yêu cầu ly hôn, tại phiên tòa bị đơn anh T không có nhu cầu đoàn tụ và cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị K và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị K, xử cho chị K được ly hôn anh T theo nguyện vọng của các bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nuôi con chung: Chị K và anh T có hai con chung là Phạm Lê Gia H, sinh ngày 08/01/2008 và Phạm Lê Gia H, sinh ngày 12/02/2009. Sau ly hôn cả chị K và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu phía bên kia cấp dưỡng nuôi con vì có đủ điều kiện, khả năng nuôi con. Theo trình bày và tài liệu của chị K cung cấp, chị đang làm việc tại công ty TNHH may mặc P, thu nhập hàng tháng trung bình khoảng hơn 11 triệu đồng/tháng. Tại phiên tòa, anh T trình bày hiện tại anh đang làm nghề lái xe dịch vụ gia đình, thu nhập trung bình khoảng 15 triệu đồng/tháng. Xét điều kiện về kinh tế hiện tại thì cả chị K và anh T đều có đủ khả năng, điều kiện nuôi con, do đó để giảm bớt gánh nặng cho mỗi bên trong việc nuôi con cũng như gắn trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng của người có nghĩa vụ nuôi con sau ly hôn, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung Phạm Lê Gia H cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Lê Gia H cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai là phù hợp với điều kiện thực tế của nguyên đơn, bị đơn, nguyện vọng của con và các điều kiện sống, học tập của các con chung tại thời điểm hiện nay; phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau này, nếu điều kiện của các bên thay đổi, vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung: Chị K và anh T đều trình bày vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn chị K phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Lê Thị Diễm K được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Giao con chung Phạm Lê Gia H, sinh ngày 12/02/2009 cho chị Lê Thị Diễm K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Lê Gia H, sinh ngày 08/01/2008 cho anh Phạm Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Chị Lê Thị Diễm K và anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Sau này, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Diễm K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai số 31AA/2021/0004380 ngày 09/02/2022 (Chị Lê Thị Diễm K đã nộp đủ án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị Diễm K vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; bị đơn anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/6/2022)/.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND TT K, H. K,
- tỉnh Gia Lai (Nơi ĐKKH để ghi chú vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hải